

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

V/v Ly hôn giữa anh T, chị P

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Phụng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 11-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 2, xã Thanh M, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh T, chị P xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh M, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-4-2018. Sau khi kết hôn, anh T và chị P chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T được thời gian thì về xã Hải Y chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 7-2019, chị P đã vào miền nam làm kinh tế, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn chị P.

Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh và chị P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-11-2021, bị đơn chị Nguyễn Thị P có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T tính cách không hòa hợp nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Tháng 7-2019 chị đi làm kinh tế, giữa chị và anh T không liên lạc với nhau nữa. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị cũng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Thanh M, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đăng ký kết hôn ngày 27-4-2018. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 7-2019 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh T đề nghị xin được ly hôn, chị P đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau, đến nay anh T và chị P đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh T và chị P đều xác nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị P.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006004 ngày 15-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã M;
- UBND xã Hải Y;
- Mỗi đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Văn Ái**